| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 03 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Cẩm Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Thị Kim Liên và ông Nguyễn Duy Tính

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1, Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị V, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu 4, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ( nay là xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ);

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu 4, xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ( nay là xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ);

*(Chị Vĩnh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Sơn vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Lưu Thị V trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Ngọc S đăng ký kết hôn ngày 03/02/2020 tại UBND xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ( nay là xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến nhiều lần cãi vã, đánh nhau xảy xa xô xát. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hiện chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm gì đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn.

*Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 10/6/2020 và cháu Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 30/8/2021. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không đề nghị anh Sơn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Phía bị đơn, anh Nguyễn Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.*

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư nơi anh Sơn sinh sống và chính quyền địa phương xác định: Anh Sơn là lao động tự do, thường xuyên đi làm từ sáng đến tối mới về, giờ giấc thất thường nên Trưởng khu không tống đạt được các văn bản tố tụng cho anh Sơn. Do vậy Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra chị Vĩnh có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị V, chị Vĩnh được ly hôn anh Sơn; Về con chung: Giao cả 02 con chung cho chị Vĩnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Sơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Vĩnh tự nguyện không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Vĩnh không đề nghị giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Chị Vĩnh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ) nên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt. Anh Nguyễn Ngọc S được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Vĩnh và anh Sơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].*Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vĩnh và anh Sơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ). Đây là quan hệ hôn

nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn một thời gian cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị Vĩnh nhận thấy tình cảm với anh Sơn không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn.

Quá trình giải quyết vụ án anh Sơn không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh Sơn cư trú thấy phù hợp với lời trình bày của chị Vĩnh. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị Vĩnh và anh Sơn không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Vĩnh, anh Sơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Sơn không đến Tòa án để làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh Sơn không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị Vĩnh xin ly hôn với anh Sơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Vĩnh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 10/6/2020 và cháu Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 30/8/2021. Hiện con chung đang ở với chị, ly hôn chị Vĩnh có nguyện vọng xin được nuôi hai con chung và không đề nghị anh Sơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung của hai bên đương sự thấy rằng: Căn cứ vào tình hình thực tế hiện con chung vẫn đang ở với chị Vĩnh. Nguyện vọng chị Vĩnh xin nuôi con chung là chính đáng vì anh Sơn không có quan điểm gì về việc nuôi con chung trong quá trình giải quyết vụ án, như vậy là anh Sơn từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như trách nhiệm của người bố trong việc thể hiện quan điểm về việc nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn là chị Lưu Thị V. Giao cho chị Vĩnh được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 10/6/2020 và cháu Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 30/8/2021 cho đến khi con chung thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Vĩnh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Sơn không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Vĩnh phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị V xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc S.

Xử cho chị Lưu Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 10/6/2020 và cháu Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 30/8/2021 cho chị Vĩnh trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Sơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Vĩnh tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Vĩnh đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003636 ngày 23/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ( nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Phú Thọ).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND KV 1 - Phú Thọ;
- UBND xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HSVA,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Cẩm Vân**

| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/TL-TA | *Việt Trì, ngày 03 tháng 03 năm 2025* |

**TRÍCH LỤC**
**BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH SƠ THẨM**

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2024/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 giữa:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu Hoàn, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Khu Minh Bột, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn*: Anh Trần Quang Châu, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Khu Minh Bột, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Hoàn xin ly hôn anh Trần Quang Châu.

Xử cho chị Nguyễn Thị Thu Hoàn được ly hôn với anh Trần Quang châu.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Trần Ngọc Hà, sinh ngày 02/12/2010 và cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 06/12/2016 cho chị Hoàn trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Châu không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Hoàn tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Hoàn xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Châu không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Hoàn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hoàn đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003323 ngày 12/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự (c. Hoàn).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Cẩm Vân**